Ký bởi: UBND tỉnh Điện Biên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05 /2026/QĐ-CTUBND	*Điện Biên, ngày 06 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Điện Biên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Kết luận số 254-KL/TU ngày 18 tháng 10 năm 2026 của Thường trực Tỉnh ủy về một số nội dung Đảng ủy UBND tỉnh trình xin ý kiến tại kỳ họp thứ 50;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2026. Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Ban hành Quy chế quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Điện Biên hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội các xã, phường; hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Điện Biên và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (b/c);
- Cục KTVB và TCTHPL Bộ Tư pháp (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Các tổ chức, chính trị xã hội khác;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Lê Văn Lương

QUY CHẾ
Quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Điện Biên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05 /2026/QĐ-CTUBND ngày 06 tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Điện Biên, gồm: Phân cấp quản lý; nhiệm vụ và quyền hạn của hòa giải viên lao động; tuyển chọn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hòa giải viên lao động; thẩm quyền, trình tự, thủ tục cử hòa giải viên lao động; chế độ, điều kiện hoạt động; nguyên tắc, trình tự, thủ tục hòa giải; các bước tiến hành hòa giải và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Sở Nội vụ; Ủy ban nhân dân các xã, phường (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã); Phòng Văn hóa - Xã hội các xã, phường; hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Điện Biên và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Phân cấp quản lý hòa giải viên lao động

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm quản lý hòa giải viên lao động đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức khác thuộc cấp tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý hòa giải viên lao động sau:

a) Hòa giải viên lao động đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức khác thuộc cấp xã.

b) Hòa giải viên lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, sinh sống trên địa bàn xã, phường (ngoài đối tượng tại khoản 1 Điều này).

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của hòa giải viên lao động

1. Nhiệm vụ của hòa giải viên lao động

a) Hướng dẫn, hỗ trợ các bên thương lượng để giải quyết tranh chấp, hỗ trợ phát triển quan hệ lao động đảm bảo theo Quy chế này và các quy định của pháp luật hiện hành.

b) Phải tham gia đầy đủ nhiệm vụ hòa giải, không được từ chối nhiệm vụ hòa giải khi được cử tham gia giải quyết tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề và hỗ trợ phát triển quan hệ lao động mà không có lý do chính đáng theo quy định của pháp luật. Trường hợp có lý do chính đáng không thể tham

gia thực hiện nhiệm vụ, hòa giải viên lao động phải kịp thời thông báo cho cơ quan có thẩm quyền cử mình để xem xét xử lý.

c) Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Quyền hạn của hòa giải viên lao động

a) Quyền yêu cầu các bên tranh chấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu, chứng cứ, trưng cầu giám định, mời người làm chứng và người có liên quan.

b) Quyền tham khảo ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có chuyên môn về lĩnh vực tranh chấp.

c) Được hưởng các chế độ, điều kiện làm việc theo quy định.

Chương II
QUẢN LÝ HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG

Điều 4. Tuyển chọn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hòa giải viên lao động

1. Hòa giải viên lao động được tuyển chọn theo kế hoạch hằng năm do Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Hòa giải viên lao động phải có đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 92 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

2. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hòa giải viên lao động

Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hòa giải viên lao động thực hiện theo quy định tại Điều 93, Điều 94 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

Điều 5. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục cử hòa giải viên lao động

Thẩm quyền, trình tự, thủ tục cử hòa giải viên lao động thực hiện theo quy định tại Điều 95 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

Điều 6. Chế độ, điều kiện hoạt động của hòa giải viên lao động

Chế độ, điều kiện hoạt động của hòa giải viên lao động thực hiện theo quy định tại Điều 96 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

Điều 7. Nguyên tắc, trình tự, thủ tục hòa giải tranh chấp lao động

1. Hòa giải viên lao động thực hiện nguyên tắc hòa giải giải quyết tranh chấp lao động theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14.

Mỗi vụ việc hòa giải phải được lập hồ sơ, lưu trữ đầy đủ theo quy định.

2. Trình tự, thủ tục hòa giải tranh chấp lao động cá nhân được thực hiện theo Điều 188 Bộ luật Lao động.

3. Trình tự, thủ tục hòa giải tranh chấp lao động tập thể về quyền thực hiện theo Điều 192 Bộ luật Lao động.

4. Trình tự, thủ tục hòa giải tranh chấp lao động tập thể về lợi ích thực hiện theo Điều 196 Bộ luật Lao động.

Điều 8. Các bước tiến hành hòa giải tranh chấp lao động

1. Xác định thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 190 và khoản 1 Điều 194 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14.

2. Tìm hiểu vụ việc các bên tranh chấp:

a) Xác định rõ tính chất và mức độ phức tạp của vụ việc, tìm hiểu và làm rõ nội dung tranh chấp, nguyên nhân dẫn đến tranh chấp.

b) Thu thập các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết tranh chấp.

c) Hòa giải viên lao động yêu cầu các bên có liên quan cung cấp các tài liệu, văn bản, chứng cứ có liên quan đến tranh chấp; tham khảo thêm ý kiến của đại diện tập thể lao động tại cơ sở và lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý người lao động (tổ, đội, phân xưởng, phòng ban).

3. Tổ chức họp hòa giải:

a) Tại phiên họp hòa giải phải có mặt hai bên tranh chấp. Các bên tranh chấp có thể ủy quyền cho người khác tham gia phiên họp hòa giải. Các bên phát biểu và nêu ý kiến, quan điểm của mình về vụ việc xảy ra.

b) Căn cứ các quy định của pháp luật lao động, hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động và các quy chế nội bộ khác của doanh nghiệp, hòa giải viên lao động phân tích những vấn đề đúng/sai trong hành vi của hai bên để gợi ý cho các bên tiến hành thương lượng, thỏa thuận.

c) Trường hợp các bên thỏa thuận được, hòa giải viên lao động lập biên bản hòa giải thành. Biên bản hòa giải thành phải có chữ ký của các bên tranh chấp và hòa giải viên lao động.

d) Trường hợp các bên không thỏa thuận được, hòa giải viên lao động đưa ra phương án hòa giải để các bên xem xét. Trường hợp các bên chấp nhận phương án hòa giải thì hòa giải viên lao động lập biên bản hòa giải thành. Biên bản hòa giải thành phải có chữ ký của các bên tranh chấp và hòa giải viên lao động.

đ) Trường hợp phương án hòa giải không được chấp nhận hoặc có bên tranh chấp đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng thì hòa giải viên lao động lập biên bản hòa giải không thành. Biên bản hòa giải không thành phải có chữ ký của bên tranh chấp có mặt và hòa giải viên lao động.

Điều 9. Tiêu chí đánh giá kết quả của hòa giải viên lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

Hòa giải viên lao động được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau:

1. Chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước.

2. Thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của hòa giải viên lao động theo Quy chế này và quy định của pháp luật; chấp hành văn bản cử hòa giải viên lao động tham gia hòa giải tranh chấp lao động của Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Nội vụ.

3. Kết quả hòa giải thành đạt từ 80% trở lên so với số vụ tham gia hòa giải của hòa giải viên lao động trong năm *(nếu có vụ tranh chấp lao động và được cử hòa giải)*.

Điều 10. Tiêu chí đánh giá kết quả của hòa giải viên lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ

Hòa giải viên lao động được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau:

1. Chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước.

2. Thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của hòa giải viên lao động theo Quy chế này và quy định của pháp luật; chấp hành văn bản cử hòa giải viên lao động tham gia hòa giải tranh chấp lao động của Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Nội vụ.

3. Kết quả hòa giải thành đạt từ 50% trở lên đến dưới 80% so với số vụ tham gia hòa giải của hòa giải viên lao động trong năm *(nếu có vụ tranh chấp lao động và được cử hòa giải)*.

Điều 11. Tiêu chí đánh giá kết quả của hòa giải viên lao động hoàn thành nhiệm vụ

Hòa giải viên lao động được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau:

1. Chấp hành tốt chủ trương đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước; quy định tại cơ quan, nơi cư trú.

2. Thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của hòa giải viên lao động theo Quy chế này và quy định của pháp luật; chấp hành văn bản cử hòa giải viên lao động tham gia hòa giải tranh chấp lao động của Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Nội vụ.

3. Kết quả hòa giải thành đạt dưới 50% so với số vụ tham gia hòa giải của hòa giải viên lao động trong năm *(nếu có vụ tranh chấp lao động và được cử hòa giải)*.

Điều 12. Tiêu chí đánh giá kết quả của hòa giải viên lao động không hoàn thành nhiệm vụ

Hòa giải viên lao động có một trong các tiêu chí sau đây thì xếp loại ở mức không hoàn thành nhiệm vụ:

1. Có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tự diễn biến, tự chuyển hóa theo đánh giá của cấp có thẩm quyền.

2. Có hành vi vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ bị xử lý kỷ luật trong năm đánh giá.

3. Có hành vi vi phạm pháp luật làm phương hại đến lợi ích các bên hoặc lợi ích của Nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động theo quy định của pháp luật.

4. Từ chối nhiệm vụ hòa giải khi được cử tham gia giải quyết tranh chấp lao động hoặc tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề mà không có lý do chính đáng.

Điều 13. **Không thực hiện đánh giá kết quả hòa giải của Hòa giải viên lao động**

Không thực hiện đánh giá kết quả hòa giải của Hòa giải viên lao động đối với những trường hợp trong năm không phát sinh vụ việc tranh chấp lao động hoặc hòa giải viên lao động không được cử tham gia vụ việc hòa giải tranh chấp lao động.

Điều 14. **Quy trình đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động**

1. Hòa giải viên lao động tự đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, gửi cơ quan quản lý hòa giải viên lao động theo phân cấp quản lý trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm đánh giá hoạt động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của hòa giải viên lao động thuộc quyền quản lý và báo cáo Sở Nội vụ trong báo cáo tình hình hòa giải lao động hằng năm.

3. Sở Nội vụ có trách nhiệm đánh giá hoạt động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của hòa giải viên lao động thuộc quyền quản lý; tổng hợp báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã thành báo cáo chung của tỉnh để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ trong báo cáo tình hình hòa giải lao động hằng năm.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ:

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

b) Xây dựng kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động theo quy định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; triển khai thực hiện kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động theo quy định.

c) Công khai, cập nhật, đăng tải danh sách họ tên, địa bàn phân công hoạt động, số điện thoại, địa chỉ liên hệ của hòa giải viên lao động được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại trên cổng thông tin điện tử của Sở Nội vụ và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh để người lao động, người sử dụng lao động biết và liên hệ.

d) Chủ trì, phối hợp với đơn vị chuyên môn của Bộ Nội vụ tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho hòa giải viên lao động trên địa bàn.

đ) Thực hiện kiểm tra, giám sát công tác hòa giải lao động theo quy định của pháp luật.

e) Hằng năm, tổng hợp tình hình hòa giải lao động báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ trước ngày 31 tháng 12.

2. Sở Tài chính: Hằng năm, trên cơ sở dự toán kinh phí do các đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện đề xuất, căn cứ khả năng cân đối ngân sách tỉnh, tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thực hiện quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn cấp xã theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

b) Xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

c) Công khai, cập nhật, đăng tải danh sách họ tên, địa bàn phân công hoạt động, số điện thoại, địa chỉ liên hệ của hòa giải viên lao động được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại trên cổng thông tin điện tử và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương để người lao động, người sử dụng lao động biết và liên hệ.

d) Hằng năm, tổng hợp tình hình hòa giải lao động trên địa bàn báo cáo Sở Nội vụ trước ngày 25 tháng 12 để tổng hợp.

4. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức nơi hòa giải viên lao động đang công tác có trách nhiệm tạo điều kiện bố trí thời gian thích hợp để hòa giải viên lao động thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

5. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp, cung cấp các thông tin, tài liệu về lao động, quan hệ lao động, vụ việc tranh chấp lao động theo yêu cầu của hòa giải viên lao động để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

6. Quy chế này được quán triệt và triển khai đến các hòa giải viên lao động và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, các hòa giải viên lao động phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.